TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ---------- SỐ: 125/2020QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC** *N, Ngày 04 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TỈNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Hương X, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: - Điều 55, 81, 82 và 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 27 Nghị Quyết số: 326/UBTVQH14, về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đa hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Hương X và anh Hoàng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Chị X, anh T thỏa thuận, chị X tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 09/12/2016, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 9 năm 2020, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thi hành hết số tiến cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Về tài sản, công nợ chung, ruộng đất canh tác:** Chị X, anh T không có.

Về án phí ly hôn: Chị X nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000đ, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số: AA/2018/0000597 ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về án phí cấp dưỡng: Chị X nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền 300.000đ, tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số: AA/2018/0000597 ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hà Minh Lực

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB.*
- *VKSND huyện NQ.*
- *THADS huyện NQ.*
- *UBND xã Y*
- *đương sự để thi hành.*
- *LưuHS./.*